SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA HỌC SINH THPT: THỰC TRẠNG VÀ SỰ KHÁC BIỆT THEO GIỚI TÍNH, KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KHU VỰC SINH SỐNG

Hà Thị Minh Chính
Khoa Tâm lý học & Quản lý giáo dục, Học viện Khoa học xã hội

Tóm tắt: *Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh trung học phổ thông (THPT) tại một số trường ở Thành phố Hà Nội và phân tích sự khác biệt về mức độ sử dụng theo giới tính, kết quả học tập và khu vực sinh sống. Nghiên cứu được thực hiện trên 233 học sinh THPT. Mức độ sử dụng mạng xã hội được đánh giá thông qua hai phương diện là thời lượng và tần suất sử dụng. Dữ liệu được phân tích bằng thống kê mô tả, kiểm định t-test độc lập và phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA). Kết quả cho thấy học sinh THPT có mức độ sử dụng mạng xã hội tương đối phổ biến. Tuy nhiên, chưa ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sử dụng mạng xã hội theo giới tính, kết quả học tập và khu vực sinh sống. Kết quả góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm về đặc điểm sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT và gợi ý cần xem xét thêm mục đích, nội dung, hình thức sử dụng và khả năng tự điều chỉnh trong các nghiên cứu tiếp theo.*

Từ khóa: *Mạng xã hội; học sinh trung học phổ thông; mức độ sử dụng; thời lượng sử dụng; tần suất sử dụng.*

SOCIAL MEDIA USAGE AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS: CURRENT STATUS AND DIFFERENCES BASED ON GENDER, ACADEMIC PERFORMANCE, AND RESIDENTIAL AREA

Abstract: *This study aimed to describe the current state of social media usage among high school students in Hanoi and to analyze differences in usage levels based on gender, academic performance, and residential area. The study surveyed 233 high school students. Social media usage was assessed across two dimensions: duration and frequency. Data were analyzed using descriptive statistics, independent t-tests, and one-way analysis of variance (ANOVA). The results indicate that social media usage is relatively widespread among high school students; however, no statistically significant differences in usage levels were found regarding gender, academic performance, or residential area. These findings provide empirical evidence on the social media usage patterns of high school students and suggest that future research should further examine the purposes, content, and forms of usage, as well as students' self-regulation capabilities.*

Keywords: *Social media; high school students; level of use; duration of use; frequency of use.*

Nhận bài: 20/08/2026 *Phản biện: 20/09/2026* *Duyệt đăng: 23/09/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mạng xã hội ngày càng trở thành một phần quen thuộc trong đời sống của thanh thiếu niên, đặc biệt trong giao tiếp, giải trí, tiếp cận thông tin và hỗ trợ học tập. Đối với học sinh trung học phổ thông (THPT), sự phát triển của các nền tảng như Facebook, TikTok, Instagram, YouTube, Zalo và Messenger làm gia tăng cơ hội kết nối và tham gia các hoạt động trực tuyến. Trong nghiên cứu về hành vi sử dụng mạng xã hội, mức độ sử dụng có thể được tiếp cận qua nhiều phương diện; trong đó, thời lượng sử dụng phản ánh khoảng thời gian dành cho mạng xã hội, còn tần suất sử dụng phản ánh mức độ thường xuyên truy cập hoặc sử dụng. Đây là hai chỉ báo trực tiếp, phù hợp để mô tả mức độ sử dụng mạng xã hội của học sinh Duradoni và cộng sự (2023). Các nghiên cứu cho thấy việc sử dụng mạng xã hội phổ biến ở thanh thiếu niên, song mức độ sử dụng có sự khác nhau giữa các nhóm và bối cảnh nghiên cứu. Sự khác biệt về thời lượng và tần suất sử dụng theo giới tính đã được ghi nhận trong một số nghiên cứu, nhưng kết quả chưa hoàn toàn thống nhất. Adelantado-Renau và cộng sự (2019; Lau, (2017). Tương tự, mối liên hệ giữa sử dụng mạng xã hội và kết quả học tập cũng cho thấy những kết quả khác nhau, có thể liên quan đến đặc điểm mẫu, nền tảng được khảo sát và cách đo lường hành vi sử dụng. Pyhältö và cộng sự (2025). Do đó, việc xem xét sự khác biệt theo giới tính và kết quả học tập cần dựa trên dữ liệu thực nghiệm thay vì giả định trước nhóm nào có mức độ sử dụng cao hơn.

Trong bối cảnh học sinh THPT tại Việt Nam nói chung và ở Thành phố Hà Nội nói riêng, việc mô tả cụ thể thời lượng và tần suất sử dụng mạng xã hội của học sinh, đồng thời xem xét sự khác biệt theo giới tính và kết quả học tập, khu vực sinh sống vẫn cần được tiếp tục bổ sung. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này nhằm (1) mô tả thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT thông qua thời lượng và tần suất sử dụng; và (2) phân tích

sự khác biệt về mức độ sử dụng mạng xã hội theo giới tính và kết quả học tập và khu vực sinh sống. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về đặc điểm sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT và làm cơ sở cho các hoạt động giáo dục, định hướng sử dụng mạng xã hội phù hợp.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Mẫu và quy cách chọn mẫu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện nhằm tối đa hóa khả năng tiếp cận người trả lời. Trước khi tham gia khảo sát, khách thể được thông tin đầy đủ về mục đích nghiên cứu, đồng thời có được sự xác nhận tham gia hoàn toàn tự nguyện và các thông tin cung cấp được bảo mật. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi tự xây trong thời gian từ ngày 20/5/2026 đến ngày 30/5/2026. Nghiên cứu được tiến hành với sự tham gia khảo sát của học sinh đang học tập tại một số trường THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Cỡ mẫu được xem xét trên cơ sở yêu cầu của các phương pháp phân tích dự kiến, bao gồm kiểm định độ tin cậy của thang đo, Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kiểm định độ khác biệt Independent-Samples t-test; One-Way ANOVA.

Kết quả thu thập được 233 phiếu trả lời hợp lệ, được sử dụng cho toàn bộ các phân tích thống kê của nghiên cứu. Quy mô mẫu này đáp ứng yêu cầu về số lượng quan sát đối với các phân tích thống kê được thực hiện. Sự phân bố mẫu nghiên cứu được thể hiện qua bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khách thể nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	141	60,5
	Nữ	87	37,4
	Khác	5	2,1
Trường học	Trường THPT Cầu Giấy	54	23,2
	Trường THPT Trung Văn	59	25,3
	Trường Cao đẳng XDCT Đô Thị (hệ song bằng)	57	24,5
	Trường THPT LômônôxôpTây Hà Nội	63	27,0
Nơi ở	Thành Thị	203	87,1
	Nông thôn	30	12,9
Khối lớp	Lớp 12	233	100,0
Kết quả học tập	Xuất sắc	24	10,3
	Giỏi	135	57,9
	Khá		65
	Trung bình	9	3,9
	Yếu	0	0,0
Thời gian sử dụng mạng xã hội trong ngày	Dưới 2 giờ	20	8,6
	Từ 2 giờ đến 4 giờ	88	37,8
	Từ 4 đến 6 giờ	72	30,9
	Trên 6 giờ	53	22,7

Ở Bảng 1: Tỉ lệ mẫu khách thể khảo sát cho thấy, 100% học sinh thuộc khối lớp 12, Trong đó, tỉ lệ học sinh nam chiếm 60,5%, nữ là 37,4% và giới tính khác là 2,1%. Các học sinh THPT tham gia khảo sát thuộc 4 trường, Trường THPT Cầu Giấy, Trường THPT Trung Văn, Trường Cao đẳng xây dựng công trình Đô Thị (hệ song bằng), Trường THPT LômônôxôpTây Hà Nội. Về kết quả học tập, số liệu tự khai báo cho thấy, trong 233 học sinh tham gia khảo sát thì có 24 học sinh có kết quả học tập xuất sắc chiếm 10,3%, 135 học sinh có kết quả học tập loại giỏi chiếm 57,9%, loại khá có 65 học sinh chiếm 27,9%, loại trung bình có 9 học sinh, chiếm 3.9%, và không có học sinh nào bị xếp loại học lực yếu. Các học sinh chủ yếu sống ở thành phố, chiếm 87,1% và có 12,9% sống

ở nông thuộc ngoại thành Hà Nội. Về thời gian sử dụng mạng xã hội trong ngày, tỉ lệ học sinh dành thời gian cho việc này trong khoảng từ 2 đến 4 giờ/ ngày chiếm 37,8%; 4 đến 6 giờ/ ngày chiêm 30,9%, trên 6 giờ/ ngày chiếm 22,7%, tỉ lệ học sinh sử dụng dưới 2 giờ/ ngày chiếm tỉ lệ 8,6%.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Công cụ khảo sát chính bao gồm các phần:

(1) Thang đo về mức độ sử dụng mạng xã hội được xem xét ở 2 khái cạnh. (1) Thời lượng sử dụng gồm 5 biến quan sát; (2) Tần suất sử dụng gồm 5 biến quan sát và được đo lường trên thang Likert 5 mức, từ 1 (Hoàn toàn không đúng) đến 5 (Hoàn toàn đúng).

(2) Thông tin nhân khẩu học của khách thể (9 mục). Độ tin cậy của các công cụ được đánh giá ở mức rất tốt với hệ số Cronbach Alpha được thể hiện trên toàn thang đo là 0,888.

Để xác định mức độ của các biến nghiên cứu, nghiên cứu sử dụng phương pháp chia khoảng đều trên thang Likert 5 mức. Độ rộng mỗi khoảng được tính theo công thức ((5-1)/5 = 0,80). Theo đó, điểm trung bình được diễn giải thành năm mức: 1,00–1,80 (rất thấp); 1,81–2,60 (thấp); 2,61–3,40 (trung bình); 3,41–4,20 (cao); và 4,21–5,00 (rất cao).Cách phân loại này được áp dụng thống nhất cho thang đo có cùng số mức và cùng phạm vi điểm, nhằm thuận tiện cho việc diễn giải và so sánh kết quả giữa các nhóm trong nghiên cứu.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Dữ liệu sau khi sàng lọc được phân tích bằng phần mềm SPSS 29.0 để thực hiện các

phân tích thống kê mô tả và kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's

Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kiểm định độ khác biệt Independent-Samples t-test; One-Way ANOVA

III. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT tại Thành phố Hà Nội

Bảng 2: Thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT tại Thành phố Hà Nội

Nội dung	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
	Hoàn toàn không đúng	It đúng	Đúng 1 phần	Khá đúng	Hoàn toàn đúng		
Điểm TB: Thời gian sử dụng:						**2,66**	**0,87**
Em dành khá nhiều thời gian mỗi ngày cho việc sử dụng mạng xã hội	10,3	20,6	36,9	20,6	11,6	3,03	1,13
Tổng thời gian em sử dụng mạng xã hội trong một ngày thường khá nhiều	15,5	26,2	26,8	18,5	11,2	2,84	1,22
Mỗi lần truy cập mạng xã hội, em thường sử dụng trong một khoảng thời gian tương đối lâu	33,9	29,2	21,0	7,7	8,2	2,27	1,23
Em thường sử dụng mạng xã hội liên tục trong một khoảng thời gian mà không chuyển sang hoạt động khác.	10,7	18,0	31,8	14,6	24,9	3,24	1,30
Mạng xã hội chiếm một phần đáng kể trong thời gian sử dụng Internet hằng ngày của em.	43,8	27,5	21,9	3,4	3,4	1,95	1,05
Điểm TB: Tần suất sử dụng mạng xã hội:						**2,97**	**1,04**
Em truy cập mạng xã hội nhiều lần trong một ngày	11,6	24,9	32,2	15,9	15,5	2,98	1,22

Em thường kiểm tra mạng xã hội nhiều lần để xem thông báo hoặc nội dung mới	21,0	25,8	26,2	9.9	17,2	2,76	1,35
Em sử dụng mạng xã hội vào hầu hết các ngày trong tuần.	9,4	12,4	31,3	17,6	29,2	3,44	1,28
Sau khi thoát khỏi mạng xã hội, em thường quay lại sử dụng sau một khoảng thời gian ngắn.	18,5	21,5	25,8	14,6	19,7	2,95	1,37
Em thường truy cập mạng xã hội vào nhiều thời điểm khác nhau trong ngày	23,6	24,0	24,0	12,0	16,3	2,73	1,37
Điểm trung bình						**2,82**	**0,89**

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy mức độ sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT tại Thành phố Hà Nội trong mẫu nghiên cứu ở mức trung bình (ĐTB = 2,82; ĐLC = 0,89). Xét theo hai phương diện, thời gian sử dụng có (ĐTB = 2,67; ĐLC = 0,87), trong khi tần suất sử dụng có (ĐTB = 2,98; ĐLC = 1,05). Cả hai phương diện đều thuộc mức trung bình theo cách phân chia khoảng điểm trên thang đo 5 mức. Đáng chú ý, tần suất sử dụng cao hơn thời gian sử dụng 0,31 điểm, điều này cho thấy học sinh có xu hướng truy cập mạng xã hội tương đối thường xuyên nhưng không nhất thiết dành thời lượng rất dài cho mỗi lần sử dụng. chia sẻ về vấn đề này, em N.T.A. cho biết "Việc học tập và các hoạt động khác của em cũng chiếm khá nhiều thời gian, nên em tranh thủ lúc rảnh thì vào tiktok xem chút, hoặc ghé nhóm zalo nhắn tin với bạn bè".

Ở phương diện thời gian sử dụng, đi vào từng biểu hiện, biểu hiện có ĐTB cao nhất là "Em thường sử dụng mạng xã hội liên tục trong một khoảng thời gian mà không chuyển sang hoạt động khác" (ĐTB = 3,24; ĐLC = 1,30), tiếp đến là "Em dành khá nhiều thời gian mỗi ngày cho việc sử dụng mạng xã hội" (ĐTB = 3,03; ĐLC = 1,13) và "Tổng thời gian em sử dụng mạng xã hội trong một ngày thường khá nhiều" (ĐTB = 2,84; ĐLC = 1,22). Trong khi đó, "Mỗi lần truy cập mạng xã hội, em thường sử dụng trong một khoảng thời gian tương đối lâu" có ĐTB thấp hơn (2,27; ĐLC = 1,23), còn "Mạng xã hội chiếm một phần đáng kể trong thời gian sử dụng Internet hằng ngày của em" có ĐTB thấp nhất (1,95; ĐLC = 1,05). Kết quả này cho thấy việc sử dụng mạng xã hội của học sinh không chủ yếu biểu hiện ở những phiên truy cập kéo dài hoặc chiếm phần lớn thời gian sử dụng Internet. Điều này cũng được bạn V.T.T.M, cho biết "Vì cuối năm lớp 12 nên việc học tập cũng rất áp lực, việc lên mạng của em chủ yếu là dành cho việc tìm kiếm thông tin, phục vụ cho hoạt động học tập và trao đổi nhóm với các bạn"

Ở phương diện tần suất, "Em sử dụng mạng xã hội vào hầu hết các ngày trong tuần" có ĐTB cao nhất (3,44; ĐLC = 1,28), tiếp theo là "Em truy cập mạng xã hội nhiều lần trong một ngày" (ĐTB = 2,98; ĐLC = 1,22) và "Sau khi thoát khỏi mạng xã hội, em thường quay lại sử dụng sau một khoảng thời gian ngắn" (ĐTB = 2,95; ĐLC = 1,37). Các biểu hiện "Em thường kiểm tra mạng xã hội nhiều lần để xem thông báo hoặc nội dung mới" và "Em thường truy cập mạng xã hội vào nhiều thời điểm khác nhau trong ngày" lần lượt có ĐTB = 2,76 và 2,73. Nhìn chung, các kết quả này cho thấy mạng xã hội đã xuất hiện khá thường xuyên trong sinh hoạt hằng ngày của học sinh, mặc dù mức độ sử dụng xét trên toàn bộ thang đo vẫn ở mức trung bình.

3.1.2. So sánh sự khác biệt về sử dụng mạng xã hội theo biến số

Sự khác biệt về sử dụng mạng theo biến giới tính

Bảng 3: So sánh thực trạng sử dụng mạng xã hội theo giới tính

Giới tính	N	M	SD	t	df	p
Nam	141	2,75	0,83	-1,597	226	0,112
Nữ	87	2,94	0,97			

Ghi chú: $p < 0,05$.

Với Bảng 3, khi so sánh kết quả về sự khác biệt về sử dụng mạng xã hội theo giới tính. Do nhóm giới tính khác chỉ có 05 học sinh, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong mẫu nghiên cứu, (nhóm này được

loại khỏi phân tích so sánh theo giới tính). Do đó, nghiên cứu chỉ thực hiện so sánh mức độ sử dụng mạng xã hội giữa học sinh nam và nữ. Kết quả kiểm định Independent-Samples t-test cho thấy chưa ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sử dụng mạng xã hội giữa học sinh nam và học sinh nữ, t(226) = -1,597, p = 0,112. Điểm trung bình mức độ sử dụng mạng xã hội của học sinh nữ (M = 2,94; SD = 0,97) cao hơn học sinh nam (M = 2,75; SD = 0,83), tuy nhiên mức chênh lệch này chưa đạt ý nghĩa thống kê. Kết quả cho thấy giới tính chưa thể hiện sự khác biệt rõ rệt về mức độ sử dụng mạng xã hội trong mẫu nghiên cứu.

Sự khác biệt về sử dụng mạng xã hội theo biến lực học

Kết quả phân tích One-Way ANOVA cho thấy chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sử dụng mạng xã hội giữa các nhóm học sinh theo kết quả học tập, F(3, 229) = 1,009, p = 0,390. Kiểm định Levene cho thấy phương sai giữa các nhóm đồng nhất (p = 0,922). Phân tích so sánh từng cặp bằng Tukey HSD cũng không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa bất kỳ cặp nhóm nào (p > 0,05). Mặc dù nhóm học sinh có kết quả học tập Trung bình có điểm trung bình mức độ sử dụng mạng xã hội cao nhất (M = 3,14; SD = 0,91), tiếp đến là nhóm Xuất sắc (M = 3,03; SD = 0,93), Giỏi (M = 2,80; SD = 0,85) và Khá (M = 2,74; SD = 0,94), các chênh lệch này chỉ mang tính mô tả và chưa đạt ý nghĩa thống kê.

Sự khác biệt về sử dụng mạng xã hội theo biến khu vực sinh sống

Kết quả kiểm định Independent-Samples t-test cho thấy chưa ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sử dụng mạng xã hội giữa học sinh thành thị và nông thôn, t(231) = -0,402, p = 0,688. Điểm trung bình mức độ sử dụng mạng xã hội của học sinh nông thôn (M = 2,88; SD = 0,96) cao hơn học sinh thành thị (M = 2,81; SD = 0,88), tuy nhiên mức chênh lệch này không đạt ý nghĩa thống kê.

3.2. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh THPT có mức độ sử dụng mạng xã hội tương đối phổ biến, nhưng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính, kết quả học tập và khu vực sinh sống. Điều này cho thấy các đặc điểm trên chưa phân biệt rõ mức độ sử dụng mạng xã hội và cần thận trọng khi chỉ dùng thời lượng, tần suất làm chỉ báo hành vi.

Về giới tính, không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa học sinh nam và nữ. Kết quả này phù hợp với nhận định rằng khác biệt giới có thể phụ thuộc vào nền tảng và hình thức sử dụng cụ thể. Gordon và Ohannessian (2024), nghiên cứu trên 1.459 vị thành niên, cho thấy giới tính chủ yếu điều tiết mối liên hệ giữa tần suất sử dụng một số nền tảng và kết quả học tập, thay vì tạo khác biệt đơn giản về tổng mức độ sử dụng. Vì vậy, nam và nữ có thể tương đồng về mức sử dụng chung nhưng khác nhau về nền tảng, mục đích hoặc cách thức sử dụng.

Về kết quả học tập, nghiên cứu cũng không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm. Điều này cho thấy thời lượng và tần suất sử dụng chưa đủ để phân biệt học sinh theo kết quả học tập. Cheng và cộng sự (2024) cũng cho thấy sử dụng mạng xã hội thụ động không có mối liên hệ rõ ràng với kết quả học tập, nhưng mối liên hệ trở nên đáng chú ý khi xem xét đồng thời sử dụng chủ động và thụ động. Ngược lại, Gordon và Ohannessian (2024) ghi nhận tần suất sử dụng một số nền tảng có liên quan đến thành tích học tập. Sự khác biệt có thể xuất phát từ độ tuổi, bối cảnh văn hóa, nền tảng khảo sát và cách đo lường hành vi sử dụng.

Về khu vực sinh sống, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa học sinh thành thị và nông thôn. Kết quả này cho thấy khoảng cách về mức độ sử dụng mạng xã hội giữa hai nhóm có thể đang thu hẹp. Knowles và Danzi (2025) cũng cho thấy khác biệt giữa thanh thiếu niên nông thôn và thành thị không nhất quán mà phụ thuộc vào nền tảng và hình thức sử dụng.

Nhìn chung, giới tính, kết quả học tập và khu vực sinh sống chưa tạo ra khác biệt rõ rệt về mức độ sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT tại Thành phố Hà Nội. Kết quả gợi ý nghiên cứu hành vi sử dụng mạng xã hội cần vượt ra ngoài cách tiếp cận chỉ dựa trên "thời lượng" để xem xét mục đích, nội dung, nền tảng, hình thức tương tác và khả năng tự điều chỉnh. Cheng và cộng sự (2024) cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải phân biệt sử dụng chủ động và thụ động.

Do nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang và chủ yếu đo thời lượng, tần suất, kết quả chỉ phản ánh sự khác biệt trong mẫu và không cho phép suy luận quan hệ nhân quả. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng các khía cạnh về mục đích, nền tảng, nội dung, hình thức tương tác và khả năng tự điều chỉnh của học sinh.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy mức độ sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT tương đối phổ biến, nhưng chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính, kết quả học tập và khu vực sinh sống. Kết quả bổ sung bằng chứng thực nghiệm về hành vi sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT tại Thành phố Hà Nội và cho thấy cần xem xét hành vi này không chỉ qua thời lượng, tần suất mà còn qua mục đích, nội dung, hình thức sử dụng và khả năng tự điều chỉnh.

Nghiên cứu còn hạn chế do thiết kế cắt ngang, thang đo chủ yếu tập trung vào thời lượng và tần suất, đồng thời quy mô các nhóm so sánh chưa đồng đều, đặc biệt nhóm học sinh có kết quả học tập trung bình còn nhỏ. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng mẫu và tiếp cận đa chiều hơn đối với bối cảnh và đặc điểm sử dụng mạng xã hội của học sinh THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Adelantado-Renau, M., Moliner-Urdiales, D., Cavero-Redondo, I., Beltran-Valls, M. R., Martínez-Vizcaíno, V., & Álvarez-Bueno, C. (2019). Association between screen media use and academic performance among children and adolescents: A systematic review and meta-analysis. JAMA Pediatrics, 173(11), 1058–1067. https://doi.org/10.1001/jamapediatrics.2019.3176

Cheng, W., Nguyen, P. N. T., & Nguyen, N. D. (2024). How active/passive social network usage relates to academic performance among high school students in Taiwan. Education and Information Technologies, 29, 10805–10820. https://doi.org/10.1007/s10639-023-12254-x

Duradoni, M., Innocenti, F., Mattiassi, A. D. A., & Guazzini, A. (2023). Italian validation of the Social Media Engagement Questionnaire (SME-Q): A preregistered study. Human Behavior and Emerging Technologies, 2023, Article 2363112. https://doi.org/10.1155/2023/2363112

Gordon, M. S., & Ohannessian, C. M. (2024). Social media use and early adolescents' academic achievement: Variations by parent-adolescent communication and gender. Youth & Society, 56(4), 651–672. https://doi.org/10.1177/0044118X231180317

Lau, W. W. F. (2017). Effects of social media usage and social media multitasking on the academic performance of university students. Computers in Human Behavior, 68, 286–291. https://doi.org/10.1016/j.chb.2016.11.043

Odgers, C. L., & Jensen, M. R. (2020). Annual research review: Adolescent mental health in the digital age: Facts, fears, and future directions. Journal of Child Psychology and Psychiatry, 61(3), 336–348. https://doi.org/10.1111/jcpp.13190

Pyhältö, K., Rekola, H., Salovuori, S., Kosola, S., & Anttila, H. (2025). The relationship between academic achievement and off-task social media and smartphone usage: Evidence from a systematic literature review. Acta Psychologica, 260, Article 105645. https://doi.org/10.1016/j.actpsy.2025.105645

Knowles, E. A., & Danzi, B. A. (2025). The role of online social support in mental health: Comparing rural and urban youth. Children, 12(2), 113. https://doi.org/10.3390/children12020113